

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	06-42
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11-42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú được chuyển đổi từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Cơ điện Trần Phú theo Quyết định số 416/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội ngày 25/01/2010. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106063 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/02/2010, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 11 tháng 01 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 41 Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Huỳnh Bình Thanh	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Tùng	Thành viên
Ông Đỗ Quốc Việt	Thành viên
Bà Trần Thanh Hương	Thành viên
Bà Ngô Lan Anh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Quốc Chính	Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Thu Trà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thúy Vinh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên
Ông Nguyễn Võ Lê Huy	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚ

Số 41 Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đặng Quốc Chính
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2020

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú được lập ngày 15 tháng 08 năm 2020, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 9 - "Phải thu khác" phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, theo đó, số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể thay đổi dựa trên quyết định tiếp tục thực hiện dự án hoặc chấm dứt hợp tác giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận soát xét chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



(Handwritten signature in blue ink)

Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2020

M.S.D.N 0100111105 C.T H.H.N

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		789.448.660.606	1.133.579.076.992
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	446.625.441.053	211.945.874.832
111	1. Tiền		93.534.062.695	180.150.987.197
112	2. Các khoản tương đương tiền		353.091.378.358	31.794.887.635
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		16.052.876.712	187.992.771.458
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	170.000.000.000
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	16.052.876.712	17.992.771.458
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		110.163.382.614	151.753.972.095
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	43.711.659.885	47.827.449.647
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	26.925.120.000	56.434.423.777
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	-	2.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	75.787.863.238	83.753.359.180
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(36.261.260.509)	(38.261.260.509)
140	IV. Hàng tồn kho	11	212.549.795.136	563.526.980.193
141	1. Hàng tồn kho		212.549.795.136	563.526.980.193
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.057.165.091	18.359.478.414
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	4.053.682.899	2.476.403.483
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		378.000	15.730.542.354
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	3.104.192	152.532.577
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		665.393.956.407	549.456.219.785
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	482.975.081
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	-	482.975.081
220	II. Tài sản cố định		128.067.142.099	157.631.746.480
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	126.926.651.251	152.619.939.732
222	- Nguyên giá		350.773.088.456	415.448.789.342
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(223.846.437.205)	(262.828.849.610)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	1.140.490.848	5.011.806.748
228	- Nguyên giá		2.262.995.423	7.221.470.679
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.122.504.575)	(2.209.663.931)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	12	144.731.428.477	143.401.490.657
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		144.731.428.477	143.401.490.657
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	5	300.711.332.202	68.850.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		300.711.332.202	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	68.850.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		91.884.053.629	179.090.007.567
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	91.884.053.629	97.621.892.882
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	35.a	-	916.059.432
269	3. Lợi thế thương mại	16	-	80.552.055.253
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.454.842.617.013	1.683.035.296.777

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		407.975.379.366	533.444.639.029
310	I. Nợ ngắn hạn		394.018.684.204	519.487.943.867
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	54.507.311.572	61.232.750.157
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	15.208.417.094	25.564.809.452
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	14.727.145.076	24.348.824.127
314	4. Phải trả người lao động		2.522.232.272	12.686.882.803
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	25.908.368.837	1.744.142.426
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	21	34.627.395.199	27.928.422.020
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	22	242.499.533.155	355.736.234.213
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.018.280.999	10.245.878.669
330	II. Nợ dài hạn		13.956.695.162	13.956.695.162
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	22	13.956.695.162	13.956.695.162
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.046.867.237.647	1.149.590.657.748
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	1.046.867.237.647	1.149.590.657.748
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		156.800.000.000	156.800.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>156.800.000.000</i>	<i>156.800.000.000</i>
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		50.843.936.103	50.843.936.103
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		839.223.301.544	806.183.179.337
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước</i>		<i>742.812.774.855</i>	<i>553.073.631.168</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		<i>96.410.526.689</i>	<i>253.109.548.169</i>
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		-	135.763.542.308
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.454.842.617.013	1.683.035.296.777


Nguyễn Thị Bích Hảo
Người lập

Ngô Lan Anh
Kế toán trưởngĐặng Quốc Chính
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2020	2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	1.077.262.779.103	1.251.799.223.914
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26	12.273.220.062	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.064.989.559.041	1.251.799.223.914
11	4. Giá vốn hàng bán	27	847.132.583.134	1.060.658.805.300
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		217.856.975.907	191.140.418.614
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28	5.187.363.313	14.436.035.346
22	7. Chi phí tài chính	29	20.902.601.589	11.462.857.130
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		9.372.312.324	9.025.866.145
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	30	51.945.762.638	20.453.150.658
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	20.041.033.577	20.533.034.163
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		130.154.941.416	153.127.412.009
31	12. Thu nhập khác	32	3.191.915.999	1.879.533.040
32	13. Chi phí khác	33	279.392.841	836.764
40	14. Lợi nhuận khác		2.912.523.158	1.878.696.276
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		133.067.464.574	155.006.108.285
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	27.769.538.062	34.076.568.336
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	35b	-	(1.770.932.541)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>105.297.926.512</u>	<u>122.700.472.490</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		96.410.526.689	103.989.723.696
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		8.887.399.823	18.710.748.794
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36	6.149	6.632


Nguyễn Thị Bích Hảo
Người lập

Ngô Lan Anh
Kế toán trưởngĐặng Quốc Chính
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ


Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2020	2019
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		133.067.464.574	155.006.108.285
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		11.364.842.671	15.322.247.368
03	- Các khoản dự phòng		-	(12.093.433.683)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		2.815.221.103	-
06	- Chi phí lãi vay		9.372.312.324	9.025.866.145
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		156.619.840.672	167.260.788.115
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(126.636.270.656)	(23.290.384.017)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		231.654.053.270	(144.300.653.536)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		12.573.402.729	59.618.975.642
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		3.634.701.241	(584.298.699)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(9.211.282.187)	(8.342.297.350)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(36.290.855.435)	(48.504.230.028)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(500.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		232.343.589.634	1.857.400.127
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(8.665.068.117)	(27.274.935.893)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(53.289.793.243)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		170.784.000.000	18.754.383.046
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(74.720.292.269)	(44.845.051.403)
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.191.177.659	4.224.422.948
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		91.589.817.273	(102.430.974.545)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		439.558.070.172	642.311.795.067
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(528.811.910.858)	(465.439.901.329)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(89.253.840.686)	176.871.893.738

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚSố 41 Phương Liệt, Quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ***Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020*
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2020	2019
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		234.679.566.221	76.298.319.320
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		211.945.874.832	252.863.194.194
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	<u>446.625.441.053</u>	<u>329.161.513.514</u>


Nguyễn Thị Bích Hảo
Người lập

Ngô Lan Anh
Kế toán trưởngĐặng Quốc Chính
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú được chuyển đổi từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Cơ điện Trần Phú theo Quyết định số 416/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội ngày 25/01/2010. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106063 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/02/2010, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 11 tháng 01 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 41 Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 156.800.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 156.800.000.000 đồng; tương đương 15.680.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất các sản phẩm dây và cáp điện, thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Đúc sắt thép, kim loại màu, sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất mô tơ, máy phát điện, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất dây, sợi quang học, cáp điện và điện tử, thiết bị điện, thiết bị chiếu sáng, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất công cụ và máy tạo hình kim loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, công nghiệp, khu đô thị, lắp đặt hệ thống điện và cấp thoát nước.

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có 01 công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2020 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Dây cáp điện Trần Phú	Hà Nội	100%	100%	Sản xuất và kinh doanh dây và cáp điện các loại

- Thông tin về tái cấu trúc tập đoàn: xem chi tiết tại Thuyết minh số 3.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con:

- Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu: Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, công ty mẹ xác định và điều chỉnh lại sự biến động giữa phần sở hữu của mình và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi huy động thêm vốn;

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản trong đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Trong kỳ, do công ty con tăng vốn dẫn đến công mẹ mất quyền kiểm soát dẫn đến lợi thế thương mại còn lại chưa phân bổ được ghi nhận vào Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	20 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.16 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

2.24 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất dây, cáp điện và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . HỢP NHẤT KINH DOANH

Giảm tỷ lệ sở hữu trong công ty con do công ty con tăng vốn

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2020, Công ty Cổ phần Dây điện và Phích Cắm Trần Phú thực hiện tăng vốn điều lệ bằng hình thức phát hành 5.000.000 cổ phiếu cho cổ đông chiến lược với số tiền theo mệnh giá là 50.000.000.000 đồng. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dây và Phích cắm Trần Phú tại ngày 30/06/2020 là 190.373.420.000 đồng. Công ty đang sở hữu 9.379.168 cổ phần của Công ty Cổ phần Dây điện và Phích cắm Trần Phú, tương đương tổng giá trị theo mệnh giá là 93.791.680.000 đồng. Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty tại ngày 30/06/2020 là 49,27%. Theo đó, số chênh lệch phát sinh từ việc giảm tỷ lệ sở hữu được ghi nhận vào Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	7.087.698.473	909.849.048
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	86.446.364.222	179.241.138.149
Các khoản tương đương tiền ^(*)	353.091.378.358	31.794.887.635
	<u>446.625.441.053</u>	<u>211.945.874.832</u>

(*) Tại ngày 30/06/2020, các khoản tương đương tiền gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng với giá trị 353.091.378.358 VND được gửi tại các Ngân hàng TMCP với lãi suất 4,2%/năm:

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚ

Số 41 Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Ngắn hạn

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	16.052.876.712	-	17.992.771.458	-
	16.052.876.712	-	17.992.771.458	-

b) Dài hạn

	30/06/2020				01/01/2020			
Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	
			VND				VND	
Đầu tư vào công ty liên kết								
- Công ty Cổ phần Dây và Óng đồng Trần Phú ⁽¹⁾	Hà Nội	40,88%	40,88%	-	Hà Nội	40,88%	40,88%	
- Công ty Cổ phần Dây điện và Phích cắm Trần Phú ⁽²⁾	Hà Nội	49,26%	49,26%	300.711.332.202	Hà Nội	-	-	
				300.711.332.202			-	

(1) Tại ngày 30/06/2020, lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Óng đồng Trần Phú đã vượt quá vốn chủ sở hữu, do đó giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày 30/06/2020 được trình bày bằng 0.

(2) Trong kỳ, Công ty Cổ phần Dây điện và Phích Cắm Trần Phú thực hiện tăng vốn điều lệ bằng hình thức phát hành 5.000.000 cổ phiếu cho cổ đông chiến lược với số tiền theo mệnh giá là 50.000.000.000 đồng. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dây và Phích cắm Trần Phú tại ngày 30/06/2020 là 190.373.420.000 đồng. Công ty đang sở hữu 9.379.168 cổ phần của Công ty Cổ phần Dây điện và Phích cắm Trần Phú, tương đương tổng giá trị theo mệnh giá là 93.791.680.000 đồng tương ứng tỷ lệ sở hữu và biểu quyết là 49,27%. Nên tại thời điểm 30/06/2020, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dây điện và Phích cắm Trần Phú được trình bày là khoản đầu tư vào công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚ

Số 41 Phương Liệt, Quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty CP Sản xuất Thanh Vân	29.415.019.054	(29.415.019.054)	29.415.019.054	(29.415.019.054)
- Công ty TNHH SXTM Dịch vụ Thảo Tâm	3.902.180.038	(3.902.180.038)	3.902.180.038	(3.902.180.038)
- Công ty Dịch vụ Sản xuất và Xuất nhập khẩu Châu Á	2.701.189.620	(2.701.189.620)	2.701.189.620	(2.701.189.620)
- Công ty CP Viễn thông điện tử Vinacap	-	-	7.986.634.700	-
- Phải thu khách hàng khác	7.693.271.173	(131.297.237)	3.822.426.235	(131.297.237)
	43.711.659.885	(36.149.685.949)	47.827.449.647	(36.149.685.949)

7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- ROSENDAHL NEXTRON	14.301.302.490	-	14.301.302.490	-
- MASCHINEN FABRIK	7.832.285.725	-	7.832.285.725	-
- Công ty CP Công thương Đông Phương	-	-	10.000.000.000	-
- Công ty CP Trường Phú	-	-	19.840.522.856	-
- Trả trước cho người bán khác	4.791.531.785	-	4.460.312.706	-
	26.925.120.000	-	56.434.423.777	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚ

Số 41 Phương Liệt, Quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

8 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Ông đồng Trần Phú	-	-	2.000.000.000	(2.000.000.000)
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>2.000.000.000</u>	<u>(2.000.000.000)</u>
b) Dài hạn				
Trần Ngọc Tuấn	-	-	482.975.081	-
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>482.975.081</u>	<u>-</u>

9 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	992.142.335	-	-	-
- Tạm ứng	-	-	50.750.000	-
- Ký cược, ký quỹ	111.574.560	(111.574.560)	111.574.560	(111.574.560)
- Công ty CP đầu tư và kinh doanh bất động sản (*)	74.457.112.727	-	74.457.112.727	-
- Công ty TNHH thiết bị và xây lắp Huy Hoàng	-	-	8.778.986.301	-
- Phải thu khác	227.033.616	-	354.935.592	-
	<u>75.787.863.238</u>	<u>(111.574.560)</u>	<u>83.753.359.180</u>	<u>(111.574.560)</u>
Phải thu khác là các bên liên quan				
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>10.940.635</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)

(*) Tiền phạt chậm nộp tiền sử dụng đất tại 41 Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội với tổng số tiền 83 tỷ đồng theo Thông báo số 26287/TB07-CCT ngày 05/09/2018 của Chi cục thuế quận Thanh Xuân. Số tiền đã nộp đến thời điểm 30/06/2020 là 74.457.112.727 đồng. Theo thỏa thuận tại hợp đồng hợp tác liên danh số 315/HDLĐ ngày 17/2/2005 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản thì Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản có nghĩa vụ nộp khoản tiền này cho Nhà nước. Tuy nhiên, theo biên bản làm việc số 22/11/2018/BB-TP-BĐS, trong trường hợp Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú rút khỏi dự án thì Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản sẽ thanh toán toàn bộ khoản tiền nộp chậm này, còn nếu 2 bên tiếp tục cùng hợp tác đầu tư thì sẽ làm việc lại để thống nhất tất cả các vấn đề có liên quan đến dự án, bao gồm cả khoản chậm nộp tiền sử dụng đất nêu trên. Vì vậy, việc ghi nhận nợ phải thu này có thể thay đổi theo thỏa thuận giữa hai bên. Hiện tại Công ty đang trong quá trình xin gia hạn Giấy chứng nhận đầu tư dự án.

(Xem thêm tại thuyết minh số 39).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚ

Số 41 Phương Liệt, Quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

10 . NỢ XẤU

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Sản xuất Thanh Vân (phần gốc)	21.126.822.782	-	21.126.822.782	-
- Công ty Sản xuất Thanh Vân (phần lãi)	8.288.196.272	-	8.288.196.272	-
- Công ty Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Thảo Tâm	3.902.180.038	-	3.902.180.038	-
- Công ty Dịch vụ Sản xuất và Xuất nhập khẩu Châu Á	2.701.189.620	-	2.701.189.620	-
- Công ty Cổ phần Ông đồng Trần Phú	-	-	2.000.000.000	-
- Các khoản khác	242.871.797	-	242.871.797	-
	36.261.260.509	-	38.261.260.509	-

11 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.186.307.504	-	20.373.302.956	-
Công cụ, dụng cụ	11.191.845.207	-	11.692.059.369	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	102.615.718.636	-	232.519.502.520	-
Thành phẩm	58.069.422.191	-	161.481.036.128	-
Hàng hoá	35.486.501.598	-	137.461.079.220	-
	212.549.795.136	-	563.526.980.193	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚSố 41 Phương Liệt, Quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020**12 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN**

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	144.731.428.477	141.067.559.166
- Chi phí đầu tư XDCB dở dang Dự án "Đầu tư xây dựng di chuyển Nhà máy sản xuất dây cáp điện tại phường Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội" ⁽¹⁾	27.720.491.028	27.022.629.210
+ Chi phí chung khác xây dựng nhà máy mới	1.346.890.723	1.346.890.723
+ Xây dựng nhà hành chính, ăn ca	12.864.623.775	12.864.623.775
+ Nhà xưởng số 01 và Nhà kho thành phẩm	5.147.173.058	4.449.311.240
+ Nhà xưởng số 02	16.260.091	16.260.091
+ Đường dây 22KV và trạm biến áp 12.000KVA-22/0.4KV	8.345.543.381	8.345.543.381
- Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất dây cáp điện ⁽²⁾	117.010.937.449	114.044.929.956
Mua sắm tài sản cố định	-	2.333.931.491
- Máy cuốn băng mica	-	2.333.931.491
	<u>144.731.428.477</u>	<u>143.401.490.657</u>

(1) Dự án đầu tư xây dựng di chuyển Nhà máy sản xuất dây cáp điện với các thông tin chi tiết như sau:

- Địa chỉ: Phúc Lợi, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội;

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú;

- Tổng mức đầu tư: 633 tỷ đồng;

- Dự án được triển khai theo 2 giai đoạn:

+ Giai đoạn 01 bắt đầu triển khai từ năm 2010 bao gồm giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng, di dời nhà máy với các hạng mục dở dang nêu trên. Dự kiến hoàn thành công trình đưa vào sử dụng vào tháng 10/2015;

+ Giai đoạn 2 thực hiện xây dựng các hạng mục nhà xưởng còn lại và đầu tư thêm máy móc thiết bị mở rộng sản xuất dự kiến bắt đầu từ tháng 10/2015 và kết thúc vào tháng 10/2016.

- Đến thời điểm hiện tại, các hạng mục cơ bản đã hoàn thành đưa vào sử dụng. Tuy nhiên còn một số hạng mục của giai đoạn 2 chưa hoàn thành và chưa được nghiệm thu, Công ty vẫn đang tiếp tục thực hiện và dự kiến hoàn thành trong năm 2020.

(2) Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất dây cáp điện với các thông tin chi tiết như sau:

- Địa chỉ: Khu công nghiệp VSIP Hải Dương, Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương;

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú;

- Tổng mức đầu tư: 366,5 tỷ đồng;

- Dự án được triển khai theo 2 giai đoạn:

+ Giai đoạn 01 thực hiện các thủ tục hành chính từ tháng 02/2018 đến tháng 07/2018;

+ Giai đoạn 02 thực hiện xây dựng nhà máy, văn phòng và đầu tư lắp đặt máy móc và sản xuất thử từ tháng 07/2018 đến tháng 06/2019.

- Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn đang thực hiện giai đoạn 2 của dự án. Các chi phí ban đầu bao gồm chi phí đo đạc, phân tích, khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công dự án, hạng mục xây dựng nhà xưởng và văn phòng đã hoàn thành. Bên thi công đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ để nghiệm thu và thanh toán. Hiện tại Công ty đang tiếp tục thực hiện phần mua sắm và lắp đặt dây chuyền máy móc thiết bị. Dự kiến nhà máy sẽ hoàn thành và đi vào hoạt động trong quý IV/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚ

Số 41 Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Số dư đầu năm	99.352.980.718	296.838.984.538	12.974.501.951	1.774.101.176	4.508.220.959	415.448.789.342						
- Mua trong kỳ	-	2.092.896.260	2.908.302.546	-	-	5.001.198.806						
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(514.276.352)	-	-	(514.276.352)						
- Giảm do hợp nhất kinh doanh	(3.965.801.475)	(63.567.213.988)	(1.584.607.877)	(45.000.000)	-	(69.162.623.340)						
Số dư cuối kỳ	95.387.179.243	235.364.666.810	13.783.920.268	1.729.101.176	4.508.220.959	350.773.088.456						
Giá trị hao mòn lũy kế												
Số dư đầu năm	18.866.197.618	236.210.380.704	6.557.687.421	1.129.433.328	65.150.539	262.828.849.610						
- Khấu hao trong kỳ	2.737.323.618	3.081.674.981	632.416.617	116.316.446	284.651.304	6.852.382.966						
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(77.141.448)	-	-	(77.141.448)						
- Giảm do hợp nhất kinh doanh	(2.195.481.433)	(42.209.347.332)	(1.314.575.158)	(38.250.000)	-	(45.757.653.923)						
Số dư cuối kỳ	19.408.039.803	197.082.708.353	5.798.387.432	1.207.499.774	349.801.843	223.846.437.205						
Giá trị còn lại												
Tại ngày đầu năm	80.486.783.100	60.628.603.834	6.416.814.530	644.667.848	4.443.070.420	152.619.939.732						
Tại ngày cuối kỳ	75.979.139.440	38.281.958.457	7.985.532.836	521.601.402	4.158.419.116	126.926.651.251						

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 17.793.457.957 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 176.781.328.491 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚ

Số 41 Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	3.152.296.256	379.467.057	3.689.707.366	7.221.470.679
- Giảm do hợp nhất kinh doanh	(1.658.475.256)	-	(3.300.000.000)	(4.958.475.256)
Số dư cuối kỳ	1.493.821.000	379.467.057	389.707.366	2.262.995.423
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	747.489.508	379.467.057	1.082.707.366	2.209.663.931
- Khấu hao trong kỳ	37.345.524	-	-	37.345.524
- Giảm do hợp nhất kinh doanh	(431.504.880)	-	(693.000.000)	(1.124.504.880)
Số dư cuối kỳ	353.330.152	379.467.057	389.707.366	1.122.504.575
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	2.404.806.748	-	2.607.000.000	5.011.806.748
Tại ngày cuối kỳ	1.140.490.848	-	-	1.140.490.848

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay;
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 769.174.423 đồng;

(*) Quyền sử dụng đất tại Tỉnh Phúc có thời hạn trong 20 năm từ ngày 08/10/2015. Tại đây, Công ty có nhà máy sản xuất dây cáp nhôm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚSố 41 Phương Liệt, Quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	985.037.707	1.056.680.120
Chi phí quảng cáo	1.875.668.233	483.176.329
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.192.976.959	936.547.034
	4.053.682.899	2.476.403.483
b) Dài hạn		
Chi phí san lấp mặt bằng nhà máy tại Long Biên ⁽¹⁾	12.781.049.144	12.950.709.086
Chi phí thuê đất thời hạn 50 năm tại Khu Công nghiệp VSIP ⁽²⁾	71.861.911.452	72.803.333.874
Chi phí thuê đất tại 41 Phương Liệt ⁽³⁾	6.874.981.310	10.312.471.964
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	366.111.723	1.362.555.978
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	192.821.980
	91.884.053.629	97.621.892.882

(1) Chi phí san lấp mặt bằng nhà máy tại Long Biên được thực hiện phân bổ trong thời gian 471 tháng từ tháng 12/2018 đến tháng 10/2058.

(2) Theo hợp đồng thuê lại đất VSIPHD/MCS/LA/IN 1_1 ngày 18 tháng 07 năm 2018 về việc thuê lại đất tại Khu công nghiệp VSIP Hải Dương, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương với thời hạn thuê 50 năm từ tháng 07/2018 đến tháng 06/2058.

(3) Theo quyết định số 3533/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội ngày 02/07/2019 về việc gia hạn sử dụng đất 24 tháng đối với dự án xây dựng khu nhà ở tại số 41 Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP.Hà Nội từ tháng 07/2019 đến tháng 06/2021.

16 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Nguyên giá		
- Số dư đầu năm	89.502.283.615	89.502.283.615
- Giảm do hợp nhất kinh doanh	(89.502.283.615)	-
- Số dư cuối kỳ	-	89.502.283.615
Giá trị hao mòn lũy kế		
- Số dư đầu năm	8.950.228.362	-
- Số phân bổ, tổn thất trong kỳ	4.475.114.181	4.475.114.181
- Giảm do hợp nhất kinh doanh	(13.425.342.543)	4.475.114.181
- Số dư cuối kỳ	-	8.950.228.362
Giá trị còn lại		
- Số dư đầu năm	80.552.055.253	89.502.283.615
- Số dư cuối kỳ	-	80.552.055.253

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚ

Số 41 Phương Liệt, Quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH Vinacompound	10.613.058.500	10.613.058.500	2.446.950.000	2.446.950.000
- Công ty CP cơ khí Xây dựng Thương mại Đại Dũng	32.459.376.638	32.459.376.638	32.459.376.638	32.459.376.638
- Công ty CP Viễn thông điện tử Vinacap	-	-	9.470.368.070	9.470.368.070
- Công ty TNHH Thương mại Dây và cáp điện Đông Giang	-	-	9.724.277.661	9.724.277.661
- Phải trả các đối tượng khác	11.434.876.434	11.434.876.434	7.131.777.788	7.131.777.788
	54.507.311.572	54.507.311.572	61.232.750.157	61.232.750.157
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
	189.770.535	189.770.535	189.770.535	189.770.535

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)

18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty TNHH Thiết bị điện Thúy Hồng	611.358.756	720.663.136
Công ty TNHH Thương Mại Đầu tư và Dịch vụ Bảo Long	94.115.199	1.442.800.173
Công ty Cổ phần Đầu Tư TM & Xây Dựng Viễn Đông Á	876.770.217	1.287.102.107
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Hoàng Kim	740.290.576	5.211.332.890
Công ty TNHH Thương mại Thanh Hương	1.207.401.311	1.200.048.918
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Vinh Hải	-	1.914.677.953
Công ty TNHH Thương mại Thiết bị điện Thành Nam	-	1.240.408.608
Công ty TNHH MTV Thương Mại và Dịch Vụ Hoa Anh Đào	3.425.608.051	1.271.605.126
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	8.252.872.984	11.276.170.541
	15.208.417.094	25.564.809.452

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚ

Số 41 Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Giảm do hợp nhất kinh doanh		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	12.784.379	47.198.361.082	39.371.518.662	6.262.909.156	1.576.717.643	-	-	-	-	-	-	-	1.576.717.643
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	23.962.454.108	27.769.538.062	36.290.855.435	2.367.112.343	13.074.024.392	-	-	-	-	-	-	-	13.074.024.392
Thuế Thu nhập cá nhân	-	359.475.781	336.030.289	607.277.921	14.929.300	76.403.041	-	-	-	-	-	-	-	76.403.041
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	152.532.577	-	2.348.745.495	2.196.212.918	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	7.000.000	7.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	14.109.859	10.789.412	10.789.412	14.109.859	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	152.532.577	24.348.824.127	77.670.464.340	78.483.654.348	8.659.060.658	14.727.145.076	3.104.192	3.104.192	8.659.060.658	3.104.192	14.727.145.076	3.104.192	14.727.145.076	14.727.145.076

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚSố 41 Phương Liệt, Quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020**20 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	161.030.137	-
- Chi phí quảng cáo, hỗ trợ bán hàng	25.255.289.383	1.730.454.546
- Chi phí phải trả khác	492.049.317	13.687.880
	<u>25.908.368.837</u>	<u>1.744.142.426</u>

21 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	574.261.384	779.452.138
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.800.000.000	8.700.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản (*)	18.000.000.000	18.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	253.133.815	448.969.882
	<u>34.627.395.199</u>	<u>27.928.422.020</u>

(*) Số tiền ứng trước giai đoạn 1 theo hợp đồng hợp tác liên doanh và phụ lục hợp đồng số 03/HĐHTKT ngày 25/11/2013 về việc hỗ trợ đền bù di chuyển nhà máy tại số 41 Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội. (Xem thêm thông tin tại Thuyết minh 39).

11105
CÔNG TY
KIỂM SÁT
AS
KIỂM

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚ

Số 41 Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

22 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2020		Trong kỳ		30/06/2020		
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giảm do hợp nhất kinh doanh VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Vay ngắn hạn							
Vay ngắn hạn Ngân hàng	352.136.057.773	352.136.057.773	439.558.070.172	527.610.322.638	22.784.540.372	241.299.264.935	241.299.264.935
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa ⁽¹⁾	100.000.000.000	100.000.000.000	83.786.683.012	113.805.521.597	-	69.981.161.415	69.981.161.415
- Ngân TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Láng Hòa Lạc ⁽²⁾	50.265.846.793	50.265.846.793	62.843.770.314	50.265.846.793	-	62.843.770.314	62.843.770.314
- Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - CN Hà Thành ⁽³⁾	179.085.670.608	179.085.670.608	170.650.785.094	304.108.868.688	-	45.627.587.014	45.627.587.014
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ⁽⁴⁾	-	-	122.276.831.752	59.430.085.560	-	62.846.746.192	62.846.746.192
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	22.784.540.372	22.784.540.372	-	-	22.784.540.372	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	3.600.176.440	3.600.176.440	-	1.201.588.220	1.198.320.000	1.200.268.220	1.200.268.220
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa ⁽⁵⁾	2.401.856.440	2.401.856.440	-	1.201.588.220	-	1.200.268.220	1.200.268.220
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Kinh Đô	1.198.320.000	1.198.320.000	-	-	1.198.320.000	-	-
	355.736.234.213	355.736.234.213	439.558.070.172	528.811.910.858	23.982.860.372	242.499.533.155	242.499.533.155
b) Vay dài hạn							
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa ⁽⁶⁾	16.358.551.602	16.358.551.602	-	1.201.588.220	-	15.156.963.382	15.156.963.382
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Kinh Đô	1.198.320.000	1.198.320.000	-	-	1.198.320.000	-	-
	17.556.871.602	17.556.871.602	-	1.201.588.220	1.198.320.000	15.156.963.382	15.156.963.382
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(3.600.176.440)	(3.600.176.440)	-	(1.201.588.220)	(1.198.320.000)	(1.200.268.220)	(1.200.268.220)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	13.956.695.162	13.956.695.162	-	-	-	13.956.695.162	13.956.695.162

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 15/2019 - HĐCVHM/NHCT126 - TP ngày 18 tháng 07 năm 2019, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay của từng khoản vay ghi nhận theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 06 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay không có bảo đảm bằng tài sản.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 18/2019-HĐTDHM/NHCT328-TP ngày 24 tháng 07 năm 2019, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn vay: Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 20/07/2020, thời hạn cho vay của từng khoản
 - + Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay không có bảo đảm bằng tài sản.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 01/2019/135173/HĐTD ngày 16 tháng 09 năm 2019 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, bảo lãnh, mở L/C;
 - + Thời hạn vay: Đến hết ngày 31/08/2020; Thời hạn cho vay của từng khoản vay ghi nhận theo từng giấy nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Theo từng hợp đồng đảm bảo.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 01/2020/HĐCNHM/CNHN-CĐTP ngày 17 tháng 03 năm 2020 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 300.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ hoạt động đầu tư tài sản cố định;
 - + Thời hạn vay: 12 tháng, thời hạn cho vay của từng khoản vay ghi nhận theo từng Giấy nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay không có bảo đảm bằng tài sản.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (5) Hợp đồng tín dụng số 121-2016/HDDTDDDA/NHCT126 ngày 26 tháng 08 năm 2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 26.136.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lý, hợp lệ thực hiện dự án đầu tư thiết bị dây chuyền sản xuất dây điện năm 2016 và đầu tư thiết bị nâng cao năng lực sản xuất cáp điện hạ thế năm 2016;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
 - + Lãi suất cho vay: là lãi suất thả nổi; lãi suất cho vay tại thời điểm cuối năm là 9%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là: 15.156.963.382 đồng; Số dư nợ gốc phải trả trong kỳ là: 1.200.588.220 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚ

Số 41 Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND		VND	VND		
Số dư đầu năm trước	156.800.000.000	50.843.936.103	553.073.631.168	-	760.717.567.271		
Lãi trong kỳ trước	-	-	103.989.723.696	-	103.989.723.696		
Tặng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	116.474.596.317	116.474.596.317		
Số dư cuối kỳ trước	156.800.000.000	50.843.936.103	657.063.354.864	116.474.596.317	981.181.887.284		
Số dư đầu năm nay	156.800.000.000	50.843.936.103	806.183.179.337	135.763.542.308	1.149.590.657.748		
Lãi trong kỳ này	-	-	96.410.526.689	8.887.399.823	105.297.926.512		
Giảm khác	-	-	(63.370.404.482)	(144.650.942.131)	(208.021.346.613)		
Số dư cuối kỳ này	156.800.000.000	50.843.936.103	839.223.301.544	-	1.046.867.237.647		

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ		Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ		Tỷ lệ (%)
	VND	VND		VND	VND	
UBND Thành phố Hà Nội	60.960.000.000	60.960.000.000	38,88%	60.960.000.000	38,88%	
Đặng Quốc Chính	40.844.770.000	40.499.170.000	26,05%	40.499.170.000	25,83%	
Lê Thanh Sơn	-	-	0,00%	9.085.600.000	5,79%	
Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng	39.140.000.000	39.140.000.000	24,96%	39.140.000.000	24,96%	
Các cổ đông khác	15.855.230.000	7.115.230.000	10,11%	7.115.230.000	4,54%	
	156.800.000.000	156.800.000.000	100%	156.800.000.000	100%	

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚSố 41 Phương Liệt, Quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2020	2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	156.800.000.000	156.800.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	156.800.000.000	156.800.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	156.800.000.000	156.800.000.000
d) Cổ phiếu		
	30/06/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.680.000	15.680.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	15.680.000	15.680.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.680.000	15.680.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.680.000	15.680.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.680.000	15.680.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
e) Các quỹ công ty		
	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	50.843.936.103	50.843.936.103
	50.843.936.103	50.843.936.103

24 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản cho thuê ngoài**

- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 41 phố Phương Liệt, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội để sử dụng với mục đích sản xuất và kinh doanh. Diện tích khu đất thuê là 15.780 m2. Hiện tại, lô đất này đang được sử dụng để hợp tác liên doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản theo hợp đồng số 315/HĐLD ngày 17/02/2005. Theo các điều khoản của hợp đồng liên doanh và phụ lục đi kèm thì mọi nghĩa vụ nộp thuế và phạt thuế sẽ do Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản thay mặt liên doanh để nộp nếu có phát sinh. (Xem thêm tại thuyết minh số 39).

- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại phường Phúc Lợi, quận Long Biên với thời hạn từ năm 2008 đến năm 2058 để sử dụng với mục đích chuẩn bị thực hiện Dự án di chuyển Nhà máy sản xuất cáp điện. Diện tích khu đất thuê là 57.206 m2. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2020	01/01/2020
- Đồng đô la Mỹ (USD)	20.064,15	1.656,91

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚ

Số 41 Phương Liệt, Quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2020	2019
	VND	VND
25 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
Doanh thu bán thành phẩm	930.851.984.897	1.180.085.608.761
Doanh thu bán hàng hóa	143.149.442.426	70.963.159.287
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.261.351.780	750.455.866
	<u>1.077.262.779.103</u>	<u>1.251.799.223.914</u>
26 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
Giảm giá hàng bán	12.273.220.062	-
	<u>12.273.220.062</u>	<u>-</u>
27 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
Giá vốn của thành phẩm đã bán	727.020.455.514	997.001.204.043
Giá vốn của hàng hóa	120.112.127.620	63.657.601.257
	<u>847.132.583.134</u>	<u>1.060.658.805.300</u>
28 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	5.183.319.994	12.093.433.683
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	4.043.319	39.230.281
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	48.131.292
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	2.255.240.090
	<u>5.187.363.313</u>	<u>14.436.035.346</u>
29 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
Lãi tiền vay	9.372.312.324	9.025.866.145
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	3.531.748.168	2.404.107.314
Lỗ do thanh lý trái phiếu	7.998.541.097	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	32.883.671
	<u>20.902.601.589</u>	<u>11.462.857.130</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚSố 41 Phương Liệt, Quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020**30 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	196.586.511	36.347.573
Chi phí nhân công	4.318.188.958	4.454.880.844
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.601.218.302	1.310.791.230
Chi phí bảo hành	-	2.933.916
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	2.258.306.351	4.157.493.408
Chi phí hỗ trợ bán hàng, phát triển thị trường	40.552.671.799	7.154.985.143
Chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm	506.036.051	1.219.023.518
Các khoản ghi giảm khác	2.512.754.666	2.116.695.026
	<u>51.945.762.638</u>	<u>20.453.150.658</u>

31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	437.913.134	246.390.428
Chi phí nhân công	4.419.504.266	4.501.011.020
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.011.396.589	859.200.380
Thuế, phí, lệ phí	511.527.298	2.093.240.581
Lợi thế thương mại	4.475.114.181	4.475.114.181
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.741.878.241	4.792.501.273
Chi phí khác bằng tiền	5.443.699.868	3.565.576.300
	<u>20.041.033.577</u>	<u>20.533.034.163</u>

32 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Thu thanh lý phế liệu	2.689.277.817	1.877.695.734
Thu nhập khác	502.638.182	1.837.306
	<u>3.191.915.999</u>	<u>1.879.533.040</u>

33 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí khác	279.392.841	836.764
	<u>279.392.841</u>	<u>836.764</u>

01
CỔ
ĐI
NG
A
W

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚ

Số 41 Phương Liệt, Quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

34 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	21.074.024.391	19.784.310.044
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Cổ phần Dây điện và Phích cắm Trần Phú	6.695.513.671	14.292.258.292
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>27.769.538.062</u>	<u>34.076.568.336</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	23.962.454.108	19.208.564.861
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(36.290.855.435)	(48.504.230.028)
Tăng/giảm do hợp nhất kinh doanh	(2.367.112.343)	10.683.649.970
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	<u>13.074.024.392</u>	<u>15.464.553.139</u>

35 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	916.059.432
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u>-</u>	<u>916.059.432</u>

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(1.770.932.541)
	<u>-</u>	<u>(1.770.932.541)</u>

36 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
Lợi nhuận sau thuế	96.410.526.689	103.989.723.696
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	96.410.526.689	103.989.723.696
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	15.680.000	15.680.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>6.149</u>	<u>6.632</u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚ

Số 41 Phương Liệt, Quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

37 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	451.117.936.269	1.059.354.010.167
Chi phí nhân công	23.596.837.721	25.911.340.648
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.889.728.490	10.814.133.187
Lợi thế thương mại	-	4.475.114.181
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.552.692.845	35.173.864.632
Chi phí khác bằng tiền	2.062.439.372	6.207.257.461
	539.219.634.697	1.141.935.720.276

38 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	446.625.441.053	-	211.945.874.832	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	119.499.523.123	(36.261.260.509)	131.580.808.827	(36.261.260.509)
Các khoản cho vay	16.052.876.712	-	190.475.746.539	(2.000.000.000)
	582.177.840.888	(36.261.260.509)	534.002.430.198	(38.261.260.509)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	256.456.228.317	369.692.929.375
Phải trả người bán, phải trả khác	89.134.706.771	89.161.172.177
Chi phí phải trả	25.908.368.837	1.744.142.426
	371.499.303.925	460.598.243.978

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚSố 41 Phương Liệt, Quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	446.625.441.053	-	-	446.625.441.053
Phải thu khách hàng, phải thu khác	83.238.262.614	-	-	83.238.262.614
Các khoản cho vay	16.052.876.712	-	-	16.052.876.712
	545.916.580.379	-	-	545.916.580.379

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚ

Số 41 Phương Liệt, Quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	211.945.874.832	-	-	211.945.874.832
Phải thu khách hàng, phải thu khác	93.319.548.318	-	-	93.319.548.318
Các khoản cho vay	190.475.746.539	-	-	190.475.746.539
	<u>495.741.169.689</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>495.741.169.689</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2020				
Vay và nợ	242.499.533.155	13.956.695.162	-	256.456.228.317
Phải trả người bán, phải trả khác	89.134.706.771	-	-	89.134.706.771
Chi phí phải trả	25.908.368.837	-	-	25.908.368.837
	<u>357.542.608.763</u>	<u>13.956.695.162</u>	<u>-</u>	<u>371.499.303.925</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	355.736.234.213	13.956.695.162	-	369.692.929.375
Phải trả người bán, phải trả khác	89.161.172.177	-	-	89.161.172.177
Chi phí phải trả	1.744.142.426	-	-	1.744.142.426
	<u>446.641.548.816</u>	<u>13.956.695.162</u>	<u>-</u>	<u>460.598.243.978</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

39 . THÔNG TIN KHÁC

Theo hợp đồng Hợp tác liên doanh số 315/HĐLD ngày 17/02/2005 và Phụ lục hợp đồng số 03/HĐ HTKT ngày 25/11/2013 giữa Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú và Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản về việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng tại số 41 Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Công ty sẽ bàn giao lại mặt bằng cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản và di dời nhà máy sang phường Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội.

Theo Phụ lục số 01/HĐHTKD ngày 09/08/2012, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản có trách nhiệm thay mặt liên doanh để thực hiện nộp toàn bộ các loại tiền thuế và tiền phạt (nếu có) tại Chi cục thuế Quận Thanh Xuân theo thông báo của cơ quan thuế được phát sinh dựa trên Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 315/HĐLD ký giữa giữa hai bên.

Căn cứ theo Phụ lục 02/HĐHTKD ngày 26/08/2013, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản là đại diện duy nhất thực hiện góp và đầu tư 100% nguồn vốn để thực hiện dự án, chịu trách nhiệm hạch toán chi phí đầu tư và doanh thu của dự án, quyết toán thu/chi với các cơ quan thuế. Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú sẽ được Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản chi trả phần chi phí bảo toàn giá trị của tài sản nổi trên đất, chi phí chế độ cho người lao động ngừng việc và chi phí tháo dỡ thiết bị, vận chuyển lắp đặt..., đồng thời được hỗ trợ một phần kinh phí xây dựng nhà máy.

Mặt khác theo phụ lục hợp đồng số 03/HĐ HTKT ngày 25/11/2013 ký giữa hai bên, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản phải chuyển tiền hỗ trợ cho Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú tổng cộng là 75 tỷ đồng và chia thành 3 giai đoạn: giai đoạn 1 là 18 tỷ đồng; giai đoạn 2 là 28 tỷ đồng và giai đoạn 3 là 29 tỷ đồng.

Hiện tại đang là giai đoạn 1 của dự án và Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản đã chuyển cho Công ty Cơ điện Trần Phú số tiền là 18 tỷ đồng. Số tiền này đang được Công ty theo dõi như khoản công nợ. Khi thực tế bàn giao đất cho đối tác, Công ty sẽ ghi nhận vào thu nhập khác đồng thời ghi nhận các chi phí di dời phát sinh có liên quan.

(Xem thêm tại thuyết minh số 18).

Trong năm 2019, theo Thông báo số 26287/TB07-CCT ngày 05/09/2018 của Chi cục thuế quận Thanh Xuân, tổng số tiền phạt chậm nộp tiền sử dụng đất tại 41 Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội là 83 tỷ đồng. Số tiền mà Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú đã nộp đến thời điểm hiện tại là 74.457.112.727 đồng và số tiền này đang được ghi nhận là khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản. Việc ghi nhận nợ phải thu này có thể thay đổi theo thỏa thuận giữa hai bên.

Đến thời điểm 30/06/2020 Công ty đã thành lập Ban quản lý dự án 41 Phương Liệt, mặt khác Công ty đang trong quá trình xin gia hạn Giấy chứng nhận đầu tư và điều chỉnh thiết kế của dự án.

40 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

41 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2020	01/01/2020
		VND	VND
Phải thu khác		-	10.940.635
Lê Thanh Sơn	Thành viên HĐQT	-	10.940.635
Phải trả người bán ngắn hạn		189.770.535	189.770.535
Công ty Cổ phần Dây và Ống đồng Trần Phú	Công ty liên kết	189.770.535	189.770.535

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚ

Số 41 Phương Liệt, Quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	474.394.333	316.981.288
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.157.316.588	1.048.843.979

42 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

Nguyễn Thị Bích Hảo
Người lập

Ngô Lan Anh
Kế toán trưởng


Đặng Quốc Chính
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2020



**CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚ
TRAFUCO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

V/v: Giải trình biến động lợi nhuận bán niên
2020 so với bán niên 2019(hợp nhất)

Hà nội, ngày 29 tháng 08 năm 2020.

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Căn cứ thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 6/10/2015 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên 2020 ngàyđược soát xét bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC ;

Công ty cổ phần cơ điện Trần Phú giải trình về việc biến động lợi nhuận hợp nhất sau thuế 6 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ 6 tháng đầu năm 2019 như sau:

- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất 6 tháng đầu năm 2020: 105.297.926.512 đồng
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất 6 tháng đầu năm 2019: 122.700.472.490 đồng
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất 6 tháng đầu năm 2020 giảm so với 6 tháng đầu năm 2019: 17.402.545.978 đồng
- Tỷ lệ giảm: 14,18%
 - Nguyên nhân giảm:
 - Tình hình sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 bị tác động xấu từ dịch bệnh Covid 19 làm chậm, giảm và gián đoạn hầu hết mọi hoạt động nói chung, Công ty cũng không nằm ngoài quy luật đó. Doanh thu hợp nhất 6 tháng đầu năm 2020 giảm so với cùng kỳ 2019 là 13,94%, lợi nhuận sau thuế hợp nhất 6 tháng đầu năm 2020 giảm so với cùng kỳ 2019 là 14,18%.

Trên đây là nội dung giải trình nguyên nhân làm cho lợi nhuận sau thuế hợp nhất 6 tháng đầu năm 2020 giảm so với cùng kỳ 6 tháng đầu năm năm 2019.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CƠ ĐIỆN
TRẦN PHÚ
Đặng Quốc Chính

Hà nội, ngày 29 tháng 08 năm 2020.

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚ**

Trụ sở chính: 41 phố Phương Liệt, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà nội.

Điện thoại: 84.4.38691172

Fax: 84.4.38691802

Người công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Thúy Vinh

Điện thoại: 0982 410505

Điện thoại cố định: 024 62952719

Số CCCD: 013325757, ngày cấp 16/7/2010; Nơi cấp: Công an thành phố Hà nội.

Nội dung thông tin công bố:

- **Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên 2020.**

ĐỊA CHỈ NHẬN THÔNG TIN:

- **ĐỊA CHỈ NHẬN THÔNG TIN BẰNG FILE VĂN BẢN KÝ SỐ:**

- Trên trang điện tử của Công ty.
- Trên trang điện tử của Ủy ban chứng khoán nhà nước

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

THỦ KÝ CÔNG TY



NGUYỄN THỊ THÚY VINH